TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 7 – 2024
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Kil – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1995 (Có mặt).
Nơi cư trú: Ấp Cái C, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh CM.

Bị đơn: Anh Huỳnh Công L, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp Cái C, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa của chị Trần Thị T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Công L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2015, quyển số 01/2015 ngày 23/12/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đỉnh điểm xảy ra vào tháng 5 năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh, chị mâu thuẫn về kinh tế và mâu thuẫn về việc vợ chồng không có con dẫn đến vợ chồng cự cải thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Do đó, chị T xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đối với anh Huỳnh Công L, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Huỳnh Công L thông qua người nhận là chị ruột của anh L là chị Huỳnh Thị Hg đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng anh L vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Công L thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; anh L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Cái Cám, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Huỳnh Công L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Công L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo chị Tiền thì vợ chồng, anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 5 năm 2023 nên anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Anh, chị đã cự cải nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình

trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, chị T cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh L được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với anh L quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời anh rất nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà chị T nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T về việc xin ly hôn anh Huỳnh Công L.

2. Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 30 tháng 5 năm 2024, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003558 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.